Bài 16

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN

I. SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1. Tình hình thế giới và Việt Nam nửa cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển sang giai đoạn đế quốc, đặt ra yêu cầu bức thiết về thị trường. Đó chính là nguyên nhân sâu xa dẫn tới những cuộc chiến tranh xâm lược các quốc gia phương Đông, biến các quốc gia này thành thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, mua bán nguyên vật liệu, khai thác sức lao động và xuất khẩu tư bản của các nước đế quốc.

Chủ nghĩa đế quốc xuất khẩu tư bản, đầu tư khai thác thuộc địa đem lại lợi nhuận tối đa cho tư bản chính quốc, trước hết là tư bản lũng đoạn; làm cho quan hệ xã hội của các nước thuộc địa biến đổi một cách căn bản. Các nước thuộc địa bị lôi cuốn vào con đường tư bản thực dân. Sự áp bức và thôn tính dân tộc của chủ nghĩa đế quốc càng tăng

thì mâu thuẫn giữa dân tộc thuộc địa và thực dân càng gay gắt, sự phản ứng dân tộc của nhân dân các thuộc địa càng quyết liệt. Và chính bản thân chủ nghĩa đế quốc xâm lược, thống trị các thuộc địa lại tạo cho các dân tộc bị chinh phục những phương tiện và phương pháp để tự giải phóng. Sự thức tỉnh về ý thức dân tộc và phong trào đấu tranh dân tộc để tự giải phóng khỏi ách áp bức thực dân, lập lại các quốc gia dân tộc độc lập trên thế giới chịu tác động sâu sắc của chính sách xâm lược, thống trị của chủ nghĩa đế quốc thực dân.

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công. Đối với nước Nga, đó là cuộc cách mạng vô sản, nhưng đối với các dân tộc thuộc địa trong đế quốc Nga thì đó còn là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, bởi vì trước cách mạng "nước Nga là nhà tù của các dân tộc". Cuộc cách mạng vô sản ở nước Nga thành công, các dân tộc thuộc địa của đế quốc Nga được giải phóng và được hưởng quyền dân tộc tự quyết, kể cả quyền phân lập, hình thành nên các quốc gia độc lập và quyền liên hợp, dẫn đến sự ra đời của Liên bang Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xôviết (1922). Cách mạng Tháng Mười đã nêu tấm gương sáng về sự nghiệp giải phóng dân tộc bị áp bức, đã "mở ra trước mắt họ thời đại cách mạng chống đế quốc, thời đại giải phóng dân tộc"[1].

Trong trào lưu xâm lược thuộc địa của chủ nghĩa tư bản phương Tây, từ năm 1858 thực dân Pháp bắt đầu tiến

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.8, tr. 562.

công quân sự để chiếm Việt Nam. Sau khi đánh chiếm được nước ta, thực dân Pháp thiết lập bộ máy thống trị thực dân và tiến hành những cuộc khai thác nhằm cướp đoạt tài nguyên, bóc lột nhân công rẻ mạt và mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa.

Do sự du nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, tình hình kinh tế Việt Nam có sự biến đổi: quan hệ kinh tế nông thôn bị phá vỡ, hình thành nên những đô thị mới. những trung tâm kinh tế và tụ điểm cư dân mới. Nhưng thực dân Pháp vẫn duy trì quan hệ kinh tế phong kiến. Chúng kết hợp hai phương thức bóc lột tư bản và phong kiến để thu lợi nhuận siêu ngạch. Chính vì thế, Việt Nam không thể phát triển lên chủ nghĩa tư bản một cách bình thường được, nền kinh tế bị kìm hãm trong vòng lạc hậu và phụ thuộc nặng nề vào kinh tế Pháp.

Về chính trị, chúng tiếp tục thi hành chính sách chuyên chế với bộ máy đàn áp nặng nề. Mọi quyền hành đều thâu tóm trong tay các viên quan cai trị người Pháp, từ toàn quyền Đông Dương, thống đốc Nam Kỳ, khâm sứ Trung Kỳ, thống sứ Bắc Kỳ, công sứ các tỉnh, đến các bộ máy quân đội, cảnh sát, toà án...; biến vua quan Nam triều thành bù nhìn, tay sai. Chúng bóp nghẹt tự do, dân chủ, thẳng tay đàn áp, khủng bố, dìm các cuộc đấu tranh của dân ta trong biển máu. Chúng tiếp tục thi hành chính sách chia để trị rất thâm độc, chia nước ta làm ba kỳ, mỗi kỳ đặt một chế độ cai trị riêng và nhập ba kỳ đó với nước Lào, Campuchia để lập ra liên bang Đông Dương

thuộc Pháp, xóa tên nước ta trên bản đồ thế giới. Chúng gây chia rẽ và thù hận giữa Bắc, Trung, Nam, giữa các tôn giáo, các dân tộc, các địa phương, thậm chí là giữa các dòng họ; giữa dân tộc Việt Nam với các dân tộc trên bán đảo Đông Dương.

Về văn hóa, chúng thi hành triệt để chính sách văn hóa nô dịch, gây tâm lý tự ti, vong bản, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, đồi phong bại tục. Mọi hoạt động yêu nước của nhân dân ta đều bị cấm đoán. Chúng tìm mọi cách bưng bít và ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam và thi hành chính sách ngu dân để dễ bề thống trị.

Giai cấp địa chủ phong kiến đã tồn tại hơn ngàn năm. Chủ nghĩa tư bản thực dân được đưa vào Việt Nam và trở thành yếu tố bao trùm, song vẫn không xóa bỏ mà vẫn bảo tồn và duy trì giai cấp địa chủ để làm cơ sở cho chế độ thuộc địa.

Giai cấp nông dân chiếm khoảng 90% dân số. Họ bị bóc lột rất nặng nề. Ruộng đất của nông dân đã bị bọn tư bản thực dân chiếm đoạt. Chính sách độc quyền kinh tế, mua rẻ bán đắt, tô cao, thuế nặng, chế độ cho vay nặng lãi... của đế quốc và phong kiến đã đẩy nông dân vào con đường bần cùng hóa, không có lối thoát.

Giai cấp tư sản hình thành trong quá trình khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trước Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam mới chỉ là một tầng

lớp nhỏ bé. Sau chiến tranh, tư sản Việt Nam đã hình thành giai cấp rõ rệt. Ra đời trong điều kiện bị tư bản Pháp chèn ép, cạnh tranh rất gay gắt nên số lượng tư sản Việt Nam không nhiều, thế lực kinh tế nhỏ bé, thế lực chính trị yếu đuối.

Giai cấp tiểu tư sản bao gồm nhiều bộ phận khác nhau: tiểu thương, tiểu chủ, thợ thủ công, viên chức, trí thức, học sinh, sinh viên và những người làm nghề tự do. Đặc biệt là tầng lớp trí thức là tầng lớp rất nhạy cảm với thời cuộc, dễ tiếp xúc với những tư tưởng tiến bộ và canh tân đất nước, tha thiết bảo vệ những giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc.

Giai cấp công nhân là sản phẩm trực tiếp của chính sách khai thác thuộc địa của Pháp và nằm trong những mạch máu kinh tế quan trọng do chúng nắm giữ. Lớp công nhân đầu tiên xuất hiện vào cuối thế kỷ XIX, khi thực dân Pháp xây dựng một số cơ sở công nghiệp và thành phố phục vụ cho việc xâm lược và bình định của chúng ở nước ta. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của đế quốc Pháp, giai cấp công nhân hình thành. Đến cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, giai cấp công nhân phát triển nhanh chóng về số lượng, từ 10 vạn (năm 1914) tăng lên hơn 22 vạn (năm 1929), trong đó có hơn 53.000 công nhân mỏ (60% là công nhân mỏ than) và 81.200 công nhân đồn điền.

Giai cấp công nhân Việt Nam phải chịu ba tầng áp bức, bóc lột (đế quốc, phong kiến và tư sản bản xứ); phần lớn vừa

mới từ nông dân bị bần cùng hóa mà ra, nên có mối quan hệ gần gũi nhiều mặt với nông dân. Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời trước giai cấp tư sản dân tộc nên nội bộ thuần nhất, không bị phân tán về lực lượng và sức mạnh.

Giai cấp công nhân Việt Nam là một lực lượng xã hội tiên tiến, đại diện cho phương thức sản xuất mới, tiến bộ, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, có tinh thần cách mạng triệt để, lại mang bản chất quốc tế.

Trong lòng chế độ thuộc địa của thực dân Pháp ở Việt Nam đã hình thành những mâu thuẫn đan xen nhau, song mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động. Sự thống trị, áp bức và bóc lột càng tăng thì mâu thuẫn đó càng sâu sắc, sự phản kháng và đấu tranh vì sự tồn vong của dân tộc càng phát triển mạnh mẽ, gay gắt về tính chất, đa dạng về nội dung và hình thức.

2. Các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX

Cuối thế kỷ XIX, mặc dù triều đình phong kiến nhà Nguyễn ký Hiệp ước Ácmăng (Harmand) năm 1883 và Patơnốt (Patenôtre) năm 1884, đầu hàng thực dân Pháp, song phong trào chống thực dân Pháp xâm lược vẫn diễn ra như *Phong trào Cần Vương* (1885-1896), tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa: *Ba Đình* của Phạm Bành và Đinh Công Tráng (1881-1887), khởi nghĩa *Bãi Sậy* của Nguyễn Thiện Thuật (1883-1892) và *Hương Khê* của Phan Đình Phùng (1885-1895).

Cùng thời gian này còn nổ ra cuộc khởi nghĩa nông dân *Yên Thế* do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo, kéo dài đến năm 1913.

Đầu thế kỷ XX, Phan Bội Châu chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản, để đánh Pháp giành độc lập dân tộc, thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến của Nhật Bản. Phan Châu Trinh chủ trương dùng những cải cách văn hóa, mở mang dân trí, nâng cao dân khí, phát triển kinh tế theo hướng tư bản chủ nghĩa trong khuôn khổ hợp pháp, làm cho dân giàu, nước mạnh, buộc thực dân Pháp phải trao trả độc lập cho nước Việt Nam.

Do những hạn chế về lịch sử, về giai cấp nên Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh cũng như các sĩ phu cấp tiến lãnh đạo phong trào yêu nước đầu thế kỷ XX không thể tìm được một phương hướng giải quyết chính xác cho cuộc đấu tranh giải phóng của dân tộc, nên chỉ sau một thời kỳ phát triển đã bị kẻ thù dập tắt.

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất mặc dù còn nhiều hạn chế về số lượng, về thế lực kinh tế và chính trị, nhưng với tinh thần dân tộc, dân chủ, giai cấp tư sản Việt Nam đã bắt đầu vươn lên vũ đài đấu tranh với thực dân Pháp bằng một số cuộc đấu tranh với những hình thức khác nhau như *Phong trào quốc gia cải lương* của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên; *Đảng Lập hiến* của Bùi Quang Chiêu ở Sài Gòn, *Phong trào yêu nước dân chủ công khai* của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới;

Phong trào cách mạng quốc gia tư sản gắn liền với sự ra đời và hoạt động của Việt Nam Quốc dân Đảng; cuộc khởi nghĩa Yên Bái...

Nhìn chung, các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản ở Việt Nam đã diễn ra liên tục, sôi nổi, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú, thể hiện ý thức dân tộc, tinh thần chống đế quốc của giai cấp tư sản Việt Nam, nhưng cuối cùng đều thất bại vì giai cấp tư sản Việt Nam rất nhỏ yếu cả về kinh tế và chính trị nên không đủ sức giương cao ngọn cờ lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Mặc dù thất bại nhưng các phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đã góp phần cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, đặc biệt góp phần thúc đẩy những nhà yêu nước, nhất là lớp thanh niên trí thức có khuynh hướng dân chủ tư sản chọn lựa một con đường mới, một giải pháp cứu nước, giải phóng dân tộc theo xu thế của thời đại và nhu cầu mới của nhân dân Việt Nam.

Trước yêu cầu cấp bách phải tìm một con đường cứu nước mới, bằng thiên tài trí tuệ và nhãn quan chính trị sắc bén, tháng 6-1911, Nguyễn Tất Thành đã lên đường sang các nước phương Tây, nơi có khoa học - kỹ thuật phát triển và những tư tưởng dân chủ, tự do, xem họ làm như thế nào để rồi trở về nước giúp đồng bào cởi ách xiềng xích nô lệ.

Sau Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Quốc tế Cộng sản do V.I. Lênin đứng đầu thành lập (1919) và tuyên bố

kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của V.I. Lênin. Bản Luận cương đó đã đáp ứng đúng nguyện vọng tha thiết mà Nguyễn Ái Quốc đang ấp ủ: độc lập cho Tổ quốc, tự do cho đồng bào.

Cuộc hành trình dài ngày, qua nhiều đại dương và lục địa là một cuộc khảo sát vô cùng phong phú, đã đem lại cho Nguyễn Ái Quốc một tình cảm cách mạng sâu sắc, một vốn tri thức lớn, làm cơ sở cho Người đi đến một khám phá, một sự lựa chọn chính xác con đường giải phóng dân tộc trong thời đại mới.

Ngày 11-11-1924, Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc). Tại đây Người cùng các nhà cách mạng Trung Quốc, Triều Tiên, Ấn Độ, Thái Lan, Inđônêxia, Malaixia, v.v., thành lập *Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức Á Đông*.

Tháng 6-1925, Người sáng lập *Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*, hạt nhân là *Cộng sản đoàn*. Cơ quan tuyên truyền của Hội là tuần báo *Thanh niên*. Đây là một bước chuẩn bị có ý nghĩa quyết định về mặt tổ chức cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1925-1927, Người mở nhiều lớp huấn luyện chính trị tại Quảng Châu, đào tạo một đội ngũ cán bộ cho cách mạng Việt Nam. Sau các khoá học một số được chọn đi học ở trường Đại học Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, một số được cử đi học trường Quân sự Hoàng Phố, còn phần lớn trở về nước để truyền bá lý luận giải phóng dân tộc và tổ chức nhân dân.

3. Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ đòi hỏi phải có sự lãnh đạo của một đảng cộng sản thống nhất. Sự tồn tại và hoạt động riêng rẽ của ba tổ chức cộng sản làm cho lực lượng và sức mạnh của phong trào cách mạng bị phân tán. Điều đó không phù hợp với lợi ích của cách mạng và nguyên tắc tổ chức của đảng cộng sản.

Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người cộng sản ở Đông Dương tài liệu *Về việc thành lập một đảng cộng sản ở Đông Dương*, nhấn mạnh: Nhiệm vụ quan trọng nhất và cấp bách nhất của tất cả những người cộng sản Đông Dương là thành lập một đảng cách mạng có tính chất giai cấp của giai cấp vô sản, nghĩa là một Đảng Cộng sản có tính chất quần chúng ở Đông Dương. Đảng đó phải chỉ có một và là tổ chức cộng sản duy nhất ở Đông Dương.

Với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, có đầy đủ quyền quyết định mọi vấn đề liên quan đến phong trào cách mạng ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc đã *chủ động* triệu tập đại biểu của hai nhóm (Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng) bàn việc hợp nhất các tổ chức cộng sản. Mùa xuân năm 1930, Người đã chủ trì Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc).

Hội nghị hoàn toàn nhất trí thành lập một đảng lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chánh cương vắn tắt của Đảng*, *Sách lược vắn tắt của Đảng*, *Chương trình tóm tắt của Đảng*, *Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam*.

Nhân dịp thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc viết Lời kêu gọi công nhân, nông dân, binh lính, thanh niên, học sinh, anh chị em bị áp bức, bóc lột hãy gia nhập Đảng, đi theo Đảng để đánh đổ đế quốc Pháp, phong kiến An Nam và tư sản phản cách mạng "Làm cho nước An Nam được độc lập"[1].

Hội nghị cũng vạch kế hoạch hợp nhất các tổ chức cộng sản trong nước và thành lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

Sau Hội nghị hợp nhất, ngày 8-2-1930, các đại biểu về nước thực hiện kế hoạch hợp nhất các cơ sở đảng ở trong nước.

Ngày 24-2-1930, theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời họp và ra Quyết nghị chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Chánh cương vắn tắt của Đảng, *Sách lược vắn tắt của Đảng* và *Chương trình tóm tắt của Đảng* do Nguyễn Ái Quốc soạn thảo. Các văn kiện đó hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng ta. Nội dung cơ bản như sau:

Xác định *phương hướng chiến lược* của cách mạng Việt Nam là: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản[2]. Xác định những *nhiệm vụ cụ thể của cách mạng*:

Về chính trị: đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr. 10.

2. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.2.

dựng ra Chính phủ công nông binh và tổ chức quân đội công nông.

Về kinh tế: tịch thu toàn bộ các sản nghiệp lớn của bọn đế quốc giao cho Chính phủ công nông binh; tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc làm của công và chia cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, miễn thuế cho dân cày nghèo, thi hành luật ngày làm tám giờ.

Về văn hóa - xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo hướng công nông hoá.

Những nhiệm vụ trên đây bao gồm cả hai nội dung dân tộc và dân chủ, chống đế quốc, chống phong kiến, song nổi lên hàng đầu là nhiệm vụ chống đế quốc giành độc lập dân tộc.

Về lực lượng cách mạng: Đảng chủ trương tập hợp đại bộ phận giai cấp công nhân, nông dân và phải dựa vào hạng dân cày nghèo, lãnh đạo nông dân làm cách mạng ruộng đất; lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông... đi vào phe vô sản giai cấp; đối với phú nông, trung tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng Lập hiến) thì phải đánh đổ.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, "liên kết với những dân tộc bị áp bức và quần chúng vô sản trên thế giới nhất là với quần chúng vô sản Pháp"[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.6.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là một cương lĩnh giải phóng dân tộc đúng đắn và sáng tạo theo con đường cách mạng Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại mới, đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, nhuần nhuyễn quan điểm giai cấp và thấm đượm tinh thần dân tộc vì độc lập, tự do, tiến hành cách mạng tư sản dân quyền và cách mạng ruộng đất để đi tới xã hội cộng sản là tư tưởng cốt lõi của cương lĩnh này.

4. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chấm dứt sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc vì:

- Đường lối cách mạng vô sản của Đảng Cộng sản Việt Nam đáp ứng khát vọng ngàn đời của nhân dân lao động, trước hết là giai cấp công nhân, nông dân và những người nghèo khổ về một xã hội tốt đẹp, trong đó mọi người đều có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, công bằng, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn... Đó chính là lý tưởng cộng sản, lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Do đó, Đảng Cộng sản tập hợp được đông đảo các tầng lớp nhân dân tin theo, trước hết là nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân và nông dân...

- Cách mạng vô sản cho phép giải quyết được những mâu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam vào đầu thế kỷ XX giữa nông dân với địa chủ, phong kiến (kế thừa tư tưởng tinh hoa của cách mạng tư sản), giữa giai cấp công nhân

ngày càng lớn mạnh với giai cấp tư sản, đặc biệt là tư sản thực dân Pháp (nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa); đồng thời giải quyết mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai.

- Con đường cách mạng vô sản đồng thời cho phép Đảng Cộng sản Việt Nam tranh thủ được sự giúp đỡ của cách mạng thế giới trên tinh thần quốc tế vô sản đang phát triển mạnh mẽ lúc đó.

Trên cơ sở những yếu tố trên, Đảng Cộng sản Việt Nam có thể tập hợp được một lực lượng cách mạng hùng hậu để tiến hành giải phóng đất nước khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp, đồng thời đưa đất nước phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, mang lại cơm no, áo ấm cho nhân dân.

Đồng thời, Đảng Cộng sản Việt Nam hoàn toàn có thể thực hiện được mục tiêu, lý tưởng đó do được trang bị học thuyết Mác - Lênin - cơ sở lý luận và phương pháp luận biện chứng chỉ dẫn cho hành động cách mạng của Đảng.

II. ĐẢNG LÃNH ĐẠO CÁC PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1939

1. Đảng lãnh đạo phong trào cách mạng 1930-1935

Trong thời kỳ này cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới và thiên tai đã tác động nặng nề đến tình hình kinh tế - xã hội Việt Nam. Đời sống của các tầng lớp nhân dân lao động hết sức điêu đứng. Thêm vào đó, các vụ bắt bớ, đàn áp của

chính quyền thực dân diễn ra tàn bạo trên khắp cả nước, đặc biệt là sau cuộc khởi nghĩa Yên Bái của Việt Nam Quốc dân Đảng bầu không khí chính trị Việt Nam càng trở nên ngột ngạt.

Sau khi hợp nhất, Đảng Cộng sản Việt Nam đã trở thành một chính đảng thống nhất về tổ chức và đúng đắn về cương lĩnh chính trị, nhanh chóng tập hợp lực lượng, phát động và lãnh đạo quần chúng đấu tranh. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và Đông Dương, vận dụng những nguyên lý phổ biến của chủ nghĩa Mác - Lênin và đề cương cách mạng thuộc địa của Quốc tế Cộng sản, tháng 10-1930, Trung ương đã thông qua *Luận cương chính trị,* xác định những vấn đề chiến lược và sách lược của cách mạng Đông Dương. Luận cương xác định cách mạng Đông Dương là cuộc cách mạng tư sản dân quyền do giai cấp công nhân lãnh đạo, là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng, bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa phát triển tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ của cách mạng Đông Dương thời kỳ đầu là đánh đổ đế quốc Pháp giành độc lập dân tộc và đánh đổ phong kiến mang lại ruộng cho dân cày. Luận cương xác định: "Vô sản giai cấp và nông dân là hai lực lượng chánh, nhưng vô sản có cầm quyền lãnh đạo thì cách mạng mới thắng lợi được"[1] và cuối cùng, Luận cương cho rằng phương pháp giành chính quyền là khởi nghĩa vũ trang.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.2, tr.94.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định được một số vấn đề có tầm chiến lược của cách mạng Đông Dương. Nó góp một phần quan trọng vào kho tàng lý luận của cách mạng Việt Nam, trang bị cho những người cộng sản Đông Dương vũ khí tư tưởng sắc bén để đấu tranh thắng lợi với các loại tư tưởng phi vô sản khác.

Cao trào cách mạng do Đảng Cộng sản chủ trương và phát động đã kéo dài trên một năm, diễn ra trên 25 tỉnh, thành ở khắp cả ba miền và đạt tới đỉnh điểm ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Chính quyền thực dân đã thẳng tay đàn áp cuộc đấu tranh đó. Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sức mạnh to lớn của khối liên minh công - nông đã được biểu hiện rõ ràng trong những cuộc chiến đấu vang dội đó.

Từ năm 1931, thực dân Pháp và tay sai đã thực hiện một cuộc khủng bố tàn bạo ở Nghệ An và Hà Tĩnh. Đồn bốt được dựng lên, những đơn vị lính lê dương, lính khố đỏ được điều tới, lệnh thiết quân luật được ban bố, cùng lúc, chúng sử dụng những thủ đoạn thâm độc như tổ chức "rước cờ vàng", "nhận thẻ quy thuận", tung các loại sách báo vu cáo chủ nghĩa cộng sản, ráo riết truy lùng, bắt bớ các chiến sĩ cộng sản và những người yêu nước.

Mặc dù quần chúng cách mạng đã tích cực đấu tranh chống mọi thủ đoạn đàn áp, lừa bịp của địch, nhưng do lực lượng không cân sức nên phong trào dần dần đi xuống.

Cao trào cách mạng 1930-1931 với đỉnh cao là Xôviết Nghệ - Tĩnh chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn, nhưng có

ý nghĩa hết sức to lớn. Cao trào cách mạng cùng sự ra đời của chính quyền Xôviết là kết tinh sức mạnh to lớn của khối liên minh công - nông do giai cấp công nhân lãnh đạo, đã chứng tỏ tinh thần oanh liệt và năng lực cách mạng của nhân dân lao động Việt Nam. Phong trào tuy thất bại, nhưng nó rèn luyện lực lượng cho cuộc Cách mạng Tháng Tám thắng lợi sau này. Và cũng qua "cuộc chiến đấu xung thiên" của giai cấp công nhân và nhân dân lao động Việt Nam mà những người cộng sản và nhân dân lao động trên toàn thế giới biết tới dân tộc ta. Quốc tế Cộng sản đã khẳng định: Phong trào cách mạng bồng bột trong cả xứ Đông Dương đã góp phần tăng thêm ảnh hưởng cộng sản trong các xứ thuộc địa, nhất là các nước phương Đông. Trong phiên họp ngày 11-4-1931, Hội nghị toàn thể lần thứ 11 Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã ra quyết định công nhận Đảng Cộng sản Đông Dương là phân bộ độc lập trực thuộc Quốc tế Cộng sản.

Với hy vọng dập tắt phong trào cách mạng Việt Nam, thực dân Pháp tiếp tục tăng cường chính sách khủng bố. Hàng vạn chiến sĩ và đồng bào yêu nước bị bắt. Các nhà tù chật ních chính trị phạm. Hàng trăm người bị kết án tử hình.

Giữa lúc cơ sở cách mạng và quần chúng bị khủng bố trắng, nhiều cán bộ lãnh đạo bị giặc bắt, thì các chiến sĩ cộng sản hoạt động ở Trung Quốc và Thái Lan lần lượt tìm cách trở về nước hoạt động. Tại những tỉnh biên giới Việt Nam - Trung Quốc như Cao Bằng, Lạng Sơn, hay biên giới Lào - Thái như Thà Khét, Xavanakhẹt, các cơ sở cách mạng dần dần được phục hồi.

Năm 1932, theo chỉ thị của Quốc tế Cộng sản, Lê Hồng Phong đã cùng một số đảng viên cộng sản hoạt động ở trong nước và nước ngoài tổ chức ra Ban Lãnh đạo Trung ương Đảng. Một Chương trình hành động được đề ra vào tháng 6-1932, nội dung chủ yếu là đòi các quyền dân chủ cho nhân dân lao động, đòi trả tự do cho tất cả tù chính trị, bỏ các thứ thuế bất công, vô lý, xoá độc quyền muối, rượu... Chương trình hành động còn nêu lên sự cấp thiết phải củng cố, phát triển các tổ chức của Đảng cũng như các tổ chức quần chúng, đề ra những yêu cầu cụ thể cho từng giai cấp, tầng lớp nhân dân, như công nhân, nông dân, binh lính, thợ thủ công, tiểu thương, tiểu chủ, dân nghèo thành thị, thanh niên, phụ nữ... Nhiều đoàn thể sơ khai, như hội cày, hội gặt, đá bóng, đọc sách báo, hội hiếu hỷ... đã được lập ra. Phong trào đấu tranh của quần chúng dần dần nhen nhóm trở lại.

Cuối năm 1933, các tổ chức của Đảng dần dần được xây dựng lại và củng cố. Đầu năm 1934, với sự giúp đỡ của Quốc tế Cộng sản, Ban Lãnh đạo hải ngoại của Đảng Cộng sản Đông Dương được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu. Trên thực tế, Ban Lãnh đạo hải ngoại đã làm chức năng của Ban Chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1935, Ban Lãnh đạo hải ngoại của Đảng triệu tập Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng tại Ma Cao (Trung Quốc). Tham dự Đại hội có 13 đại biểu thay mặt cho 600 đảng viên thuộc các đảng bộ ở trong nước và các tổ chức của Đảng đang hoạt động ở nước ngoài.

Đại hội nhận định: mặc dù các tổ chức của Đảng đã được khôi phục nhưng lực lượng của Đảng vẫn chưa được phát triển; ở các khu công nghiệp, công nhân gia nhập Đảng còn ít, hệ thống tổ chức đảng chưa thật thống nhất, sự liên hệ giữa các cấp bộ đảng chưa được chặt chẽ.

Đại hội còn nêu rõ ba nhiệm vụ chủ yếu của toàn Đảng trong thời gian trước mắt là củng cố và phát triển Đảng; đẩy mạnh cuộc vận động quần chúng và chống chiến tranh đế quốc.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết chính trị và Điều lệ Đảng, thông qua các nghị quyết về vận động công nhân, nông dân, thanh niên, phụ nữ, binh lính và các nghị quyết về công tác liên minh phản đế, công tác trong các dân tộc thiểu số, về đội tự vệ và cứu tế đỏ.

Đại hội bầu ra Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 13 người trong đó có Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên, Hoàng Đình Giong, v.v.. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhất trí cử Nguyễn Ái Quốc là đại diện của Đảng Cộng sản Đông Dương tại Quốc tế Cộng sản.

Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng là một sự kiện lịch sử quan trọng, đã khôi phục được hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến địa phương, ở trong nước và ngoài nước. Đó là sự chuẩn bị cần thiết để Đảng bước vào thời kỳ đấu tranh mới.

Tuy nhiên, lúc đó tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều thay đổi đòi hỏi Đảng phải kịp thời đề ra phương hướng hoạt động thích hợp. Nhưng Đại hội lại chưa tổng

kết được kinh nghiệm lãnh đạo cách mạng của Đảng trong 5 năm qua, kể từ khi Đảng thành lập, nhất là trong thời kỳ đấu tranh khôi phục và phát triển phong trào cách mạng. Đại hội thiếu nhạy bén với tình hình mới, không thấy rõ nguy cơ chủ nghĩa phát xít trên thế giới và khả năng mới để đấu tranh chống phát xít, chống bọn phản động thuộc địa, đòi tự do, cơm áo, hoà bình. Thiếu sót này đã được bổ khuyết khi có Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản và Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 7-1936.

2. Đảng lãnh đạo phong trào dân chủ (1936-1939)

Hậu quả trầm trọng của cuộc khủng hoảng kinh tế trong những năm 1929-1933 và nguy cơ một cuộc khủng hoảng kinh tế mới đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản thêm gay gắt và phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

Ở một số nước, giai cấp tư sản lũng đoạn không muốn duy trì nền thống trị bằng chế độ dân chủ tư sản đại nghị như cũ, nên đã âm mưu dùng bạo lực để đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và ráo riết chạy đua vũ trang, chuẩn bị phát động một cuộc chiến tranh thế giới mới. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nơi, như phát xít Hítle ở Đức, phát xít Phrăngcô ở Tây Ban Nha, phát xít Mútxôlini ở Ý và phái Sĩ quan trẻ ở Nhật Bản. Chế độ độc tài phát xít được thiết lập là một nền chuyên chính khủng bố công khai của những thế lực phản động nhất, sô vanh

nhất, đế quốc chủ nghĩa nhất của tư bản tài chính. Chúng xóa bỏ mọi quyền tự do dân chủ tư sản cổ truyền, đàn áp, tiêu diệt mọi lực lượng và tổ chức chính trị đối lập, thực hành chính sách xâm lược, bành trướng và nô dịch các nước khác. Tập đoàn phát xít cầm quyền ở Đức, Ý và Nhật đã liên kết với nhau thành khối "Trục", ráo riết chuẩn bị chiến tranh để chia lại thế giới. Chúng nuôi mưu đồ tiêu diệt Liên Xô, thành trì cách mạng thế giới, hy vọng đẩy lùi phong trào cách mạng vô sản đang phát triển mạnh mẽ trong nước chúng. Ở Pháp, các thế lực phản động tập hợp trong tổ chức Thập tự lửa (Croix de feu) gồm khoảng 20.000 tên có vũ trang, âm mưu lật đổ chế độ đại nghị dân chủ, thiết lập nền độc tài phát xít. Nguy cơ chủ nghĩa phát xít và chiến tranh thế giới đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Trước tình hình đó, Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxcơva (tháng 7-1935), dưới sự chủ trì của G. Đimitơrốp. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu.

Đại hội xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới chưa phải là chủ nghĩa đế quốc nói chung mà là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải là đấu tranh lật đổ chủ nghĩa tư bản, giành chủ nghĩa xã hội, mà là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ cấp bách đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất

hàng ngũ của mình, lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh phát xít. Đại hội chỉ rõ đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa, vấn đề lập mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

Chủ trương mới do Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản vạch ra phù hợp với yêu cầu chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh, nguy cơ lớn nhất đối với vận mệnh của các dân tộc lúc bấy giờ. Nghị quyết của Đại hội giúp cho Đảng ta trong việc phân tích đúng đắn tình hình mới, từ đó đề ra chủ trương, chiến lược và sách lược cách mạng phù hợp với tình hình mới.

Trong thời gian này, các đảng cộng sản đã ra sức phấn đấu lập mặt trận nhân dân rộng rãi chống chủ nghĩa phát xít. Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha, Mặt trận thống nhất chống phát xít của nhân dân Trung Quốc lần lượt được thành lập. Đặc biệt, Mặt trận nhân dân chống phát xít thành lập từ tháng 5-1935, do Đảng Cộng sản Pháp làm nòng cốt, đã giành được thắng lợi vang dội trong cuộc tổng tuyển cử năm 1936, đưa đến sự ra đời một chính phủ tiến bộ, Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. Thắng lợi đó đã tạo ra không khí chính trị thuận lợi cho cuộc đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống của nhân dân các nước trong hệ thống thuộc địa của đế quốc Pháp, trong đó có Đông Dương.

Ở nước ta, hậu quả kéo dài của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 đã tác động sâu sắc không những đến đời sống của những giai cấp và tầng lớp nhân dân lao động,

mà còn đến cả những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ. Trong khi đó, bọn cầm quyền phản động ở Đông Dương vẫn ra sức vơ vét, bóc lột và khủng bố phong trào đấu tranh của nhân dân ta, làm cho bầu không khí chính trị và kinh tế hết sức ngột ngạt. Mọi tầng lớp xã hội đều mong muốn có những cải cách dân chủ. Đảng Cộng sản Đông Dương đã phục hồi sau một thời kỳ đấu tranh cực kỳ gian khổ, kịp thời lãnh đạo nhân dân ta bước vào một thời kỳ mới.

Tháng 7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Ban Chỉ huy ở ngoài họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), dưới sự chủ trì của Lê Hồng Phong và Hà Huy Tập. Hội nghị quyết định cử đồng chí Hà Huy Tập về nước để khôi phục các tổ chức đảng ở trong nước. Xuất phát từ đặc điểm tình hình Đông Dương và thế giới, vận dụng Nghị quyết Đại hội VII của Quốc tế Cộng sản, Hội nghị xác định cách mạng ở Đông Dương vẫn là "cách mạng tư sản dân quyền - phản đế và điền địa - lập chính quyền của công nông bằng hình thức Xôviết, để dự bị điều kiện đi tới cách mạng xã hội chủ nghĩa"[1]. Song, xét rằng cuộc vận động quần chúng hiện thời cả về chính trị và tổ chức chưa tới trình độ trực tiếp đánh đổ đế quốc Pháp, lập chính quyền công nông, giải quyết vấn đề điền địa.

Yêu cầu cấp thiết trước mắt của nhân dân ta là tự do, dân chủ, cải thiện đời sống. Đảng phải nắm lấy những yêu cầu đó để phát động quần chúng đấu tranh, tạo tiền đề

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.6, tr.139.

đưa cách mạng tiến lên bước cao hơn sau này. Hội nghị chỉ rõ kẻ thù trước mắt nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương cần tập trung đánh đổ là bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng. Từ đó Hội nghị xác định những nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; "lập Mặt trận nhân dân phản đế rộng rãi chính để bao gồm các giai cấp, các đảng phái, các đoàn thể chính trị và tín ngưỡng tôn giáo khác nhau, các dân tộc ở xứ Đông Dương *để cùng nhau tranh đấu để đòi những điều dân chủ đơn sơ*"[1].

Hoàn cảnh mới, chủ trương mới đòi hỏi phải có một đường lối tổ chức mới. Vì vậy, Hội nghị chủ trương phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp, nhằm làm cho Đảng mở rộng quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu thích hợp.

Trong khi tranh thủ mở rộng các hình thức tổ chức đấu tranh công khai và hợp pháp, tránh sa vào chủ nghĩa công khai, Đảng đã giữ vững nguyên tắc củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật, giữ vững mối quan hệ giữa bí mật và công khai, hợp pháp với không hợp pháp và bảo đảm sự lãnh đạo của tổ chức đảng bí mật đối với

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.144.

những tổ chức và hoạt động công khai, hợp pháp. Tháng 10-1936, Trung ương Đảng được tổ chức lại do đồng chí Hà Huy Tập làm Tổng Bí thư.

Cùng với việc đề ra chủ trương mới để lãnh đạo nhân dân thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi, đấu tranh đòi các quyền dân chủ, dân sinh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng ở Đông Dương. Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* công bố tháng 10-1936, Đảng nêu một quan điểm mới: "Cuộc dân tộc giải phóng không nhất định phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa. Nghĩa là không thể nói rằng: muốn đánh đổ đế quốc cần phải phát triển cách mạng điền địa, muốn giải quyết vấn đề điền địa thì cần phải đánh đổ đế quốc. Lý thuyết ấy có chỗ không xác đáng"[1]. Vì rằng, tùy hoàn cảnh hiện thực bắt buộc, nếu nhiệm vụ chống đế quốc là cần kíp cho lúc hiện thời, còn vấn đề điền địa tuy quan trọng nhưng chưa phải trực tiếp bắt buộc, thì có thể trước hết tập trung đánh đổ đế quốc, rồi sau mới giải quyết vấn đề điền địa. Nhưng cũng có khi vấn đề điền địa và phản đế phải liên tiếp giải quyết, vấn đề này giúp cho vấn đề kia làm xong mục đích của cuộc vận động. Nghĩa là cuộc phản đế phát triển tới trình độ võ trang tranh đấu kịch liệt, đồng thời vì muốn tăng thêm lực lượng tranh đấu chống đế quốc, cần phải phát triển cuộc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.152.

cách mạng điền địa. "Nói tóm lại, nếu phát triển cuộc tranh đấu chia đất mà ngăn trở cuộc tranh đấu phản đế thì phải lựa chọn vấn đề nào quan trọng hơn mà giải quyết trước. Nghĩa là chọn địch nhân chính, nguy hiểm nhất, để tập trung lực lượng của một dân tộc mà đánh cho được toàn thắng"[1]. Đó là nhận thức mới phù hợp với tinh thần trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, bước đầu khắc phục hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Sự phát triển mạnh mẽ của phong trào quần chúng từ giữa năm 1936 trở đi khẳng định sự chuyển hướng chỉ đạo cách mạng đúng đắn. Trên tinh thần đó, Hội nghị lần thứ ba (tháng 3-1937) và Hội nghị lần thứ tư (tháng 9-1937) đã đi sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định phải chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp được đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Tháng 3-1938, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp hội nghị toàn thể nhấn mạnh vấn đề lập mặt trận thống nhất dân chủ, coi đây là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại. Hội nghị chủ trương phải sử dụng mọi hình thức để liên hiệp thật rộng rãi các tầng lớp dân chủ, các đảng phái. Để thực hiện nhiệm vụ ấy, Đảng chủ trương phải đấu tranh khắc phục những tư tưởng "tả" khuynh, cô độc, hẹp hòi và những tư tưởng hữu khuynh

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.152.

trong việc nhận thức và chấp hành đường lối, phương pháp tổ chức và đấu tranh không phù hợp với nhiệm vụ chính trị mới. Hội nghị nhắc nhở phải kiên quyết, triệt để chống bọn tờrốtkít ở Đông Dương.

Hội nghị còn quyết định củng cố những cơ sở đảng đã có, lập thêm cơ sở mới, chú trọng phát triển Đảng ở thành phố, ở các vùng công nghiệp tập trung và các vùng đồn điền, phải chấn chỉnh, củng cố các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương đến cơ sở, phải giữ đúng nguyên tắc trong quan hệ giữa bộ phận hoạt động bí mật và bộ phận hoạt động công khai của Đảng: "Bí mật với công khai là làm cho công tác của Đảng được thống nhất và chóng phát triển, vô luận công khai hay bí mật đều phải phục tùng cơ quan chỉ huy của Đảng"[1]. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng thay đồng chí Hà Huy Tập.

Tháng 3-1939, Đảng ra bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc*, nêu rõ họa phát xít đang đến gần, Chính phủ Pháp hiện đã nghiêng về phía hữu, đang ra sức bóp nghẹt tự do, dân chủ, tăng cường bóc lột nhân dân và ráo riết chuẩn bị chiến tranh. *Tuyên ngôn* kêu gọi các tầng lớp nhân dân phải thống nhất hành động hơn nữa trong việc đòi các quyền tự do, dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc. Mặc dù bọn cầm quyền thực dân đẩy mạnh đàn áp, khủng bố, những cuộc biểu dương lực lượng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.6, tr.359.

của đông đảo quần chúng không tổ chức được như những năm trước, nhưng phong trào đấu tranh của quần chúng công nhân và nông dân vẫn tiếp tục nổ ra, nhất là các cuộc đấu tranh của nông dân, tiểu thương chống lại chính sách tăng thuế. Số lượng tuy giảm nhiều nhưng trình độ tổ chức và lãnh đạo các cuộc đấu tranh lại cao hơn.

Chủ trương mới của Đảng phù hợp với yêu cầu và nguyện vọng bức thiết của quần chúng, làm dấy lên trong cả nước một phong trào đấu tranh mạnh mẽ, sôi nổi hướng vào mục tiêu trước mắt là tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.

III. ĐẢNG LÃNH ĐẠO PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ KHỞI NGHĨA GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1939-1945)

1. Thời kỳ đấu tranh giải phóng dân tộc (1939-1941)

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Ở châu Âu, quân đội phát xít Đức tiến công nước Pháp, Chính phủ phản động Pháp đầu hàng, làm tay sai cho Đức (tháng 6-1940). Ở Viễn Đông, quân đội phát xít Nhật tiến sát biên giới Việt - Trung.

Để đối phó, một mặt, thực dân Pháp thực hiện chính sách thời chiến, ra sức phát xít hóa bộ máy thống trị, thẳng tay đàn áp phong trào cách mạng của nhân dân ta.

Ngày 22-9-1940, Nhật cho quân tiến công Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ vào Đồ Sơn. Pháp nhanh chóng đầu hàng Nhật ở Lạng Sơn. Sau đó Nhật lấn dần Pháp, buộc Pháp ký hết hiệp định này đến hiệp định khác nhằm

biến Đông Dương thành thuộc địa và căn cứ chiến tranh của chúng.

Quân đội phát xít Nhật chiếm đóng Đông Dương trong khi thực dân Pháp vẫn còn nắm quyền cai trị, vừa là "người chủ thống trị" nhân dân ta, vừa làm tay sai cho Nhật. Dân ta "Một cổ đôi tròng, đã làm trâu ngựa cho Tây, lại làm nô lệ cho Nhật".

Chính sách bóc lột kinh tế, áp bức chính trị của Pháp - Nhật đã gây hậu quả tai hại đến nền kinh tế đất nước, đến mọi mặt của đời sống nhân dân, trực tiếp làm hai triệu đồng bào ta ở miền Bắc chết đói trong mấy tháng đầu năm 1945 và hàng triệu đồng bào khác trong cả nước sống dở, chết dở.

Căn cứ vào tình hình trên, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (tháng 11-1939) của Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định nhiệm vụ trung tâm trước mắt của cách mạng là đánh đổ đế quốc phát xít Nhật - Pháp và bọn tay sai, làm cho Việt Nam hoàn toàn độc lập, đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và cấp bách nhất, các nhiệm vụ khác (kể cả nhiệm vụ giành ruộng đất) đều phải nhằm giải quyết nhiệm vụ đó, tạm gác khẩu hiệu "Cách mạng ruộng đất" và thay bằng các khẩu hiệu "Chống địa tô cao", "Chống cho vay nặng lãi", tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ tay sai chia cho dân cày nghèo.

Hội nghị lần thứ sáu của Đảng chủ trương thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận dân chủ Đông Dương nhằm đoàn kết rộng rãi

các tầng lớp, các giai cấp, các dân tộc và các cá nhân yêu nước tiến hành đấu tranh, thực hiện những nhiệm vụ cấp bách của cách mạng.

Tinh thần đấu tranh cách mạng của quần chúng đã làm bùng nổ cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, mở đầu bằng cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương.

Cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương nổ ra vào lúc kẻ thù còn mạnh, lực lượng cách mạng chưa được tổ chức và chuẩn bị kỹ lưỡng nên đều thất bại.

Tuy vậy, các sự kiện oanh liệt đó đã gây ảnh hưởng rộng lớn trong toàn quốc, nêu cao tinh thần anh hùng bất khuất của nhân dân ta, giáng đòn chí tử vào thực dân Pháp, cảnh cáo nghiêm khắc phát xít Nhật vừa mới đặt chân vào nước ta. Đó là những tiếng súng báo hiệu của cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc Đông Dương.

2. Chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền (1941-1945)

Ngày 28-1-1941, sau 30 năm tìm đường cứu nước và hoạt động yêu nước ở nước ngoài, Nguyễn Ái Quốc đã trở về Tổ quốc. Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) là nơi đầu tiên được Người chọn đặt cơ quan lãnh đạo cách mạng.

Về đến Tổ quốc, Nguyễn Ái Quốc bắt tay ngay vào việc xây dựng cơ sở cách mạng, tổ chức quần chúng, chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị họp tháng 5-1941 tại Pác Bó do Người chủ trì, tiếp tục chủ trương của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhưng nêu cao hơn nữa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu và chủ trương giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước Việt Nam, Lào, Campuchia, ở mỗi nước thành lập một mặt trận đoàn kết dân tộc. Ở Việt Nam là Việt Nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh), thành lập ngày 19-5-1941, bao gồm các tổ chức quần chúng, lấy tên là Hội cứu quốc, nhằm liên hiệp hết thảy các giới đồng bào yêu nước, không phân biệt giàu nghèo, già trẻ, gái trai, không phân biệt tôn giáo và xu hướng chính trị, đặng cùng nhau mưu cầu cuộc dân tộc giải phóng.

Chuẩn bị tiến tới cuộc khởi nghĩa vũ trang khi thời cơ đến lúc này được coi là nhiệm vụ trung tâm của toàn Đảng, toàn dân ta.

Giữa năm 1944, tình hình thế giới và nước ta chuyển biến mau lẹ, có lợi cho cách mạng. Căn cứ vào đó, ngày 7-5-1944, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị cho các cấp sửa soạn khởi nghĩa và kêu gọi nhân dân "Sắm vũ khí đuổi thù chung". Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc nêu rõ: "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt... Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh"[1].

Thực hiện chỉ thị của Trung ương Đảng và được Hồ Chí Minh giao trọng trách, ngày 22-12-1944 đồng chí

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.3, tr.506.

Võ Nguyên Giáp thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, gồm 34 chiến sĩ trong một khu rừng thuộc Châu Nguyên Bình, Cao Bằng. Đội đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ cách mạng, cổ vũ và thúc đẩy phong trào cách mạng trong cả nước.

Trên lĩnh vực văn hoá - tư tưởng, Đảng Cộng sản đấu tranh chống lại nọc độc văn hoá - tư tưởng phản động, phản khoa học của Nhật - Pháp và tay sai, tuyên truyền phổ biến văn hoá - tư tưởng tiến bộ, khoa học, cách mạng, đường lối, chính sách của Đảng và Mặt trận, nhằm giác ngộ, cổ vũ quần chúng tham gia cách mạng.

Đề cương văn hoá Việt Nam do Đảng Cộng sản đưa ra năm 1943 đã vạch rõ tính chất phản động của văn hoá nô dịch của thực dân Pháp - phát xít Nhật và tay sai, nêu lên tầm quan trọng của cách mạng văn hoá, là một trong ba mặt trận đấu tranh do Đảng lãnh đạo đó là chính trị, kinh tế và tư tưởng - văn hoá.

Cuối năm 1944, đầu năm 1945, bọn phát xít liên tiếp thất bại trên nhiều mặt trận. Tháng 8-1944, thủ đô Pari được giải phóng. Chính phủ kháng chiến của tướng Đờ Gôn lên cầm quyền. Ở Đông Dương, lực lượng Pháp theo phái Đờ Gôn hoạt động ráo riết, đợi thời cơ lật đổ quân Nhật, giành lại Đông Dương.

Biết rõ ý đồ của Pháp, Nhật ra tay trước. Tối 9-3-1945, Nhật tiến hành cuộc đảo chính lật đổ Pháp trên toàn

Đông Dương. Cũng trong đêm đó, Hội nghị mở rộng Ban chấp hành Trung ương Đảng họp tại Đình Bảng (Bắc Ninh). Ngày 12-3, Hội nghị ra Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*. Bản Chỉ thị vạch rõ cuộc đảo chính của Nhật đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện cho một cuộc tổng khởi nghĩa chưa chín muồi, đối tượng của cách mạng đã thay đổi. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương. Do đó, khẩu hiệu "Đánh Pháp, đuổi Nhật" không còn thích hợp, được thay bằng khẩu hiệu "Đánh đuổi phát xít Nhật" và các hình thức đấu tranh cũng thay đổi, có thể bao gồm từ hình thức bất hợp tác, bãi công, bãi thị, cho đến những hình thức cao hơn như biểu tình thị uy vũ trang du kích... và sẵn sàng chuyển qua hình thức Tổng khởi nghĩa một khi có đủ điều kiện.

Sau khi độc chiếm Đông Dương, phát xít Nhật liền thi hành chính sách mua chuộc, lừa bịp kết hợp với những chính sách đàn áp, khủng bố tàn bạo.

Về chính trị, phát xít Nhật bày trò trao trả "độc lập" cho chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim nhưng vẫn giữ nguyên bộ máy cai trị của Pháp, thay người Nhật vào vị trí người Pháp. Các đảng phái chính trị thân Nhật nhân dịp mọc ra như "nấm gặp mưa rào". Phát xít Nhật sử dụng bộ máy tuyên truyền đồ sộ để quảng bá cho tinh thần bài Pháp, sợ Nhật, phục Nhật. Mặt khác, chúng huy động lực lượng quân sự tấn công vào các chiến khu, các cơ sở cách mạng.

Trước thực trạng đó, Đảng đã đề ra khẩu hiệu "Phá kho thóc, giải quyết nạn đói" và coi đó là khẩu hiệu chính để phát động phong trào chống Nhật, cứu nước, đáp ứng nguyện vọng khẩn thiết của nhân dân, nên khẩu hiệu có tính chất kinh tế ấy đã dấy lên một cao trào chính trị sâu rộng chưa từng thấy. Hàng vạn quần chúng đói khổ xuống đường, xông vào các kho thóc của giặc Nhật. Từ cao trào đó nhiều địa phương đã giành được chính quyền. Phong trào diễn ra sôi nổi ở các tỉnh đồng bằng, trung du Bắc Bộ và các tỉnh Bắc Trung Bộ - nơi đã diễn ra nạn đói.

Đồng thời với phong trào phá kho thóc của Nhật cứu đói, làn sóng khởi nghĩa từng phần dâng cao, phá vỡ chính quyền địch ở nhiều địa phương. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp, Việt Minh đã lãnh đạo quần chúng nổi dậy, lập chiến khu.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị tổ chức Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp. Cấp cao nhất gọi là Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam.

Ngày 15-5-1945, Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và Cứu quốc quân được thống nhất thành Việt Nam Giải phóng quân.

Hoảng sợ trước sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của cách mạng, phát xít Nhật điên cuồng mở các cuộc càn quét tiến công vào các vùng giải phóng. Quân giải phóng, các đội tự vệ, du kích đã đánh trả quyết liệt, bảo vệ căn cứ địa cách mạng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước sôi sục trên cả nước. Tình thế cách mạng trực tiếp đang tới gần.

3. Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời (2-9-1945)

Ngày 9-8-1945, sau khi chiến thắng hoàn toàn quân phát xít Đức, Hồng quân Liên Xô bắt đầu tiến công quân Nhật. Trong vòng không đầy một tuần lễ, quân đội Liên Xô đánh tan gần một triệu quân Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc), buộc Nhật đầu hàng Liên Xô và Đồng minh không điều kiện. Chiến tranh Thái Bình Dương, Chiến tranh thế giới thứ hai chấm dứt.

Việc gần một triệu quân Quan Đông thiện chiến nhất của Nhật bị tiêu diệt đã tác động mạnh đến tinh thần quân Nhật ở Đông Dương. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim cùng với các hạng tay sai khác của Nhật đều hoang mang tan rã.

Điều kiện khách quan cho cuộc khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền đã hoàn toàn chín muồi, "thời cơ ngàn năm có một" đã đến, trong lúc điều kiện chủ quan của ta hết sức thuận lợi.

Ngày 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập, liền ra Quân lệnh số 1 hạ lệnh tổng khởi nghĩa.

Từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945, tại Tân Trào diễn ra Hội nghị toàn quốc của Đảng. Hội nghị nhận định: "Những điều kiện khởi nghĩa ở Đông Dương như đã chín muồi"[1]. Quân lính Nhật tan rã, mất tinh thần, hàng ngũ chỉ huy

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t.7, tr.424.

Nhật ở Đông Dương chia rẽ đến cực điểm, bọn Việt gian thân Nhật hoảng sợ. Toàn dân tộc đang sôi nổi đợi giờ khởi nghĩa giành chính quyền độc lập. Từ nhận định đó, Hội nghị đi đến quyết định phát động toàn dân nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trước khi quân Anh, quân Tưởng Giới Thạch vào Đông Dương tước khí giới quân Nhật và thực dân Pháp chưa kịp tập hợp lực lượng điều quân vào xâm lược nước ta lần nữa. Hội nghị còn quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội, đối ngoại trong thời kỳ đầu sau khi giành được chính quyền.

Hội nghị toàn quốc của Đảng bế mạc thì Đại hội quốc dân do Tổng bộ Việt Minh triệu tập họp ngay ở Tân Trào (Tuyên Quang) trong hai ngày 16 và 17-8-1945. Tham dự Đại hội có hơn 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng, các dân tộc, các tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Đại hội tán thành hoàn toàn chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng, nhất trí thông qua 10 chính sách của Việt Minh, coi đó là chính sách cơ bản của cách mạng, thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội còn quyết định lấy lá cờ đỏ sao vàng làm Quốc kỳ, lấy bài Tiến quân ca làm Quốc ca.

Đại hội quốc dân vừa bế mạc, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước đứng lên khởi nghĩa giành chính quyền:

"Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng

cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"[1].

Hưởng ứng lệnh tổng khởi nghĩa của Đảng, lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đồng bào cả nước, triệu người như một, nhất tề đứng lên với tinh thần "dù hy sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn, cũng phải kiên quyết giành cho được độc lập"[2].

Chiều ngày 16-8-1945, theo lệnh của Uỷ ban khởi nghĩa, một đơn vị quân giải phóng do Võ Nguyên Giáp chỉ huy, xuất phát từ Tân Trào, nơi Đại hội quốc dân đang họp, tiến về thị xã Thái Nguyên, mở đầu cuộc tổng khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền trong cả nước.

Ở nhiều tỉnh xa, lệnh tổng khởi nghĩa của Trung ương đến chậm, nhưng nhờ thấm nhuần các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trước đó, nhất là tinh thần của Chỉ thị *Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, khi được tin Nhật đầu hàng Đồng minh, lãnh đạo Đảng, Mặt trận ở đây đã kịp thời, chủ động phát động quần chúng nổi dậy.

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, ở hầu hết các tỉnh miền Bắc, quần chúng cách mạng đã nổi dậy giành chính quyền ở cấp xã và cấp huyện, rồi tiến lên giành chính quyền ở tỉnh.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* t.3, tr.554.

2. Dẫn theo Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010, tr.224.

Ngày 18-8-1945, nhân dân Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam giành được chính quyền ở tỉnh lỵ sớm nhất trong cả nước.

Ngày 19-8-1945, cả Hà Nội đỏ rực màu cờ. Hàng chục vạn quần chúng cách mạng ở nội và ngoại thành mang theo gậy, dao, súng, mã tấu... tiến về Quảng trường Nhà hát thành phố dự cuộc mít tinh do Việt Minh tổ chức. Cuộc mít tinh bắt đầu lúc 11 giờ. Sau loạt súng chào cờ và bài Tiến quân ca vang lên, đại biểu Uỷ ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh phát triển nhanh chóng chuyển thành cuộc biểu tình tuần hành vũ trang. Quần chúng biểu tình chia thành nhiều đoàn, có các đơn vị tự vệ chiến đấu, tiến về các ngả đường, chiếm các cơ quan của chính quyền bù nhìn: Phủ Khâm sai, Toà thị chính, Sở cảnh sát, Trại bảo an binh... Trước khí thế sục sôi của quần chúng khởi nghĩa, Nhật dù có hơn một vạn quân cũng không thể làm gì được. Binh lính và cảnh sát ngụy cũng bất lực và cuối cùng ngả theo cách mạng. Chính quyền hoàn toàn về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội (ngày 19-8) đã có tiếng vang trong cả nước, có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ các tỉnh và các thành phố khác, làm tăng thêm cuộc khủng hoảng trong hàng ngũ kẻ thù, tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc tổng khởi nghĩa.

Cuộc khởi nghĩa giành được thắng lợi trên cả nước trong vòng nửa tháng, từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945.

Ngày 25-8-1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Uỷ ban dân tộc giải phóng từ Tân Trào về

đến Hà Nội. Theo đề nghị của Người, Uỷ ban dân tộc giải phóng Việt Nam do Đại hội quốc dân Tân Trào cử ra được cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà. Chính phủ lâm thời thể hiện chính sách đại đoàn kết của Đảng, đoàn kết rộng rãi mọi tầng lớp nhân dân, các đảng phái yêu nước, các nhân sĩ tiến bộ.

Ngày 2-9-1945, tại Quảng trường Ba Đình (Hà Nội), trước cuộc mít tinh lớn của hàng chục vạn nhân dân với đủ các tầng lớp ở Thủ đô và các vùng lân cận, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời trịnh trọng đọc *Tuyên ngôn Độc lập,* tuyên bố với toàn thể quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời.

Bản *Tuyên ngôn Độc lập* khẳng định quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của nhân dân Việt Nam được hưởng tự do, độc lập: "Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phía Đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!... và sự thật đã thành một nước tự do độc lập"[1].

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* t.3, tr.557.